

Số: /2026/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

## THÔNG TƯ

**Ban hành định mức chi phí chuẩn bị và hoạt động triển khai thực hiện dự án sau khi ký kết hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao trong lĩnh vực đường bộ**

*Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 312/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và cơ chế thanh toán, quyết toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT;*

*Căn cứ Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam;*

*Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư ban hành định mức chi phí chuẩn bị và hoạt động triển khai thực hiện dự án sau khi ký kết hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao trong lĩnh vực đường bộ.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này các định mức sau:

1. Định mức chi phí chuẩn bị dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT) trong lĩnh vực đường bộ.

2. Định mức chi phí cho hoạt động triển khai thực hiện dự án sau khi ký kết hợp đồng dự án PPP, loại hợp đồng BOT trong lĩnh vực đường bộ.

**Điều 2.** Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Hướng dẫn áp dụng trong một số trường hợp:

a) Đối với các loại hợp đồng PPP khác, quá trình thực hiện căn cứ định mức ban hành tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan để áp dụng các nội dung phù hợp với loại hợp đồng, tính chất đặc thù của từng lĩnh vực, dự án;

b) Chi phí của cơ quan nhà nước theo định mức này là chi phí của cơ quan có thẩm quyền (giai đoạn chuẩn bị dự án) và của cơ quan ký kết hợp đồng (giai đoạn

thực hiện dự án, giai đoạn vận hành, kinh doanh). Căn cứ điều kiện cụ thể, cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng có thể giao nhiệm vụ cho đơn vị trực thuộc thực hiện một số nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP;

c) Trường hợp dự án có tính chất đặc thù, việc áp dụng định mức chi phí theo quy định tại Thông tư này không đủ chi phí thì cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng tổ chức lập dự toán để xác định chi phí quản lý dự án nhưng phải đảm bảo hiệu quả dự án.

### 3. Áp dụng chuyển tiếp

a) Đối với chi phí chuẩn bị dự án được tính trong tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo nội dung đã phê duyệt; trường hợp điều chỉnh dự án thì việc xác định chi phí chuẩn bị thực hiện theo quy định tại Thông tư này;

b) Đối với chi phí quản lý thực hiện hợp đồng trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành, kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hằng năm trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo nội dung đã phê duyệt đến hết năm ngân sách;

c) Đối với các dự toán chi phí nêu trên mà tại thời điểm Thông tư có hiệu lực thì hành chưa được phê duyệt, thì việc lập, thẩm định và phê duyệt phải áp dụng theo định mức quy định tại Thông tư này.

Đối với dự toán chi phí của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo nội dung được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với dự toán chi phí của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì hành mà chưa phê duyệt thì áp dụng theo quy định tại Thông tư này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Bộ Xây dựng; các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng, Báo Xây dựng;
- Lưu: VT, CĐBVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Anh Tuấn**

**ĐỊNH MỨC CHI PHÍ**

**Chuẩn bị và hoạt động triển khai thực hiện dự án sau khi ký kết hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP, loại hợp đồng BOT trong lĩnh vực đường bộ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**Phần I****ĐỊNH MỨC CHI PHÍ CHUẨN BỊ DỰ ÁN****1. Hướng dẫn áp dụng định mức chi phí chuẩn bị dự án**

1.1. Chi phí chuẩn bị dự án trong tổng mức đầu tư xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (ban hành tại bảng 1.1 kèm theo Thông tư này) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư của dự án.

**1.2. Hệ số áp dụng định mức**

1.2.1. Hệ số áp dụng định mức trong trường hợp đặc thù xác định như sau:

a) Dự án thuộc kế hoạch đầu tư công được xem xét chuyển đổi thành PPP (cập nhật, chỉnh lý, bổ sung báo cáo đã duyệt):  $k = 0,8$ ;

b) Trường hợp lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật:  $k = 0,4$  với dự án nhóm A, B;  $k = 0,8$  với dự án nhóm C;

c) Dự án không phải lập chủ trương đầu tư:  $k = 0,85$ ;

d) Dự án do nhà đầu tư đề xuất:  $k = 0,8$ .

1.2.2. Chi phí chuẩn bị dự án của cơ quan có thẩm quyền đối với các dự án đầu tư xây dựng trên biển; trên đảo; dự án trải dài dọc theo tuyến biên giới trên đất liền, dự án tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn bản đặc biệt khó khăn) theo quy định của Chính phủ xác định theo định mức ban hành tại bảng 1 kèm theo Thông tư này và điều chỉnh với hệ số  $k = 1,35$ . Chi phí chuẩn bị dự án của cơ quan có thẩm quyền đối với dự án trải dài theo tuyến trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên hoặc dự án gồm các công trình riêng biệt được xây dựng trên địa bàn nhiều tỉnh khác nhau thì xác định theo định mức ban hành tại bảng 1 kèm theo Thông tư này và điều chỉnh với hệ số  $k = 1,1$ .

1.2.3. Trường hợp chi phí thiết bị chiếm tỷ trọng  $\geq 50\%$  tổng chi phí xây dựng và thiết bị trong tổng mức đầu tư được duyệt thì điều chỉnh định mức chi phí

chuẩn bị dự án của cơ quan có thẩm quyền với hệ số  $k = 0,8$ .

#### 1.2.4. Hệ số áp dụng định mức trong trường hợp điều chỉnh

Chi phí chuẩn bị dự án của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp điều chỉnh như sau:

- a) Điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời điều chỉnh dự án đầu tư:  $k = 0,3$ ;
- b) Điều chỉnh dự án đầu tư (không điều chỉnh chủ trương đầu tư):  $k = 0,2$ ;
- c) Đối với trường hợp điều chỉnh quy định tại điểm a, b khoản này, hệ số điều chỉnh được áp dụng trên tổng chi phí xây dựng và chi phí thiết bị của dự án sau điều chỉnh.

#### 1.3. Chi phí chuẩn bị dự án

Chi phí chuẩn bị dự án xác định theo công thức sau:

$$C_{cbda} = C_{(xd+tb)} \times N_t \times \prod_{i=1}^n k_i$$

*Trong đó:*

- $C_{cbda}$ : Chi phí chuẩn bị dự án; đơn vị tính: giá trị;
- $C_{xd+tb}$ : Chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư của dự án; đơn vị tính: giá trị;
- $N_t$ : Định mức chi phí chuẩn bị dự án ban hành tại Thông tư này; đơn vị tính: tỷ lệ %;
- $k_i$ : Hệ số áp dụng hoặc điều chỉnh định mức tại mục 1.2 Chương này;
- $n$ : Các hệ số điều chỉnh.

1.4. Trường hợp dự án, công trình có quy mô nằm trong khoảng quy mô chi phí được quy định tại các bảng định mức ban hành kèm theo Thông tư này thì định mức chi phí xác định theo công thức sau:

$$N_t = N_b - \frac{N_b - N_a}{G_a - G_b} \times (G_t - G_b) \quad (1)$$

*Trong đó:*

- $N_t$ : Định mức chi phí theo quy mô chi phí xây dựng và chi phí thiết bị cần tính; đơn vị tính: tỷ lệ %;
- $G_t$ : Quy mô chi phí xây dựng và chi phí thiết bị cần tính định mức; đơn vị tính: giá trị;
- $G_a$ : Quy mô chi phí xây dựng và chi phí thiết bị cận dưới quy mô chi phí cần tính định mức; đơn vị tính: giá trị;
- $G_b$ : Quy mô chi phí xây dựng và chi phí thiết bị cận trên quy mô chi phí cần tính định mức; đơn vị tính: giá trị;
- $N_a$ : Định mức chi phí chuẩn bị dự án tương ứng với  $G_a$ ; đơn vị tính: tỷ lệ %;

-  $N_b$  : Định mức chi phí chuẩn bị dự án tương ứng với  $G_b$ ; đơn vị tính: tỉ lệ %.

1.5. Trường hợp dự án được tách thành các dự án thành phần thì chi phí chuẩn bị dự án xác định riêng theo quy mô của từng dự án thành phần.

1.6. Định mức chi phí chuẩn bị dự án PPP quy định tại Thông tư này làm cơ sở để xác định chi phí chuẩn bị dự án của cơ quan có thẩm quyền trong tổng mức đầu tư xây dựng. Việc quản lý, sử dụng chi phí chuẩn bị dự án PPP thực hiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả.

## 2. Định mức chi phí

**Bảng 1. Định mức chi phí chuẩn bị dự án của cơ quan có thẩm quyền ( $N_t$ )**

Đơn vị tính: tỷ lệ %

| Chi phí xây dựng và thiết bị (chưa có thuế GTGT) (tỷ đồng) | $\leq 50$ | 100   | 200   | 500   | 1.000 | 2.000 | 5.000 | 10.000 | 20.000 | $\geq 30.000$ |
|------------------------------------------------------------|-----------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|--------|--------|---------------|
| Định mức                                                   | 0,200     | 0,138 | 0,129 | 0,103 | 0,089 | 0,077 | 0,036 | 0,026  | 0,019  | 0,015         |

### *Nội dung công việc:*

Chi phí chuẩn bị dự án của cơ quan có thẩm quyền xác định theo định mức tại Bảng 1 là toàn bộ chi phí cần thiết cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện các công việc trong giai đoạn chuẩn bị dự án. Các công việc chủ yếu bao gồm: đánh giá lựa chọn dự án đầu tư theo phương thức PPP; tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn; tổ chức lập, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm công tác kiểm tra hiện trường; tổ chức họp, làm việc, thỏa thuận với các cơ quan, đơn vị liên quan; kiểm tra, rà soát hồ sơ báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi; kiểm soát các thủ tục theo quy định pháp luật); quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư; tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; tổ chức đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng dự án PPP; đăng tải thông tin; các công việc khác theo quy định pháp luật.

## Phần II

# ĐỊNH MỨC CHI PHÍ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN SAU KHI KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

## Chương I

### ĐỊNH MỨC CHI PHÍ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN SAU KHI KÝ KẾT HỢP ĐỒNG TRONG GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG

#### 1. Hướng dẫn áp dụng định mức chi phí triển khai thực hiện dự án sau khi ký kết hợp đồng trong giai đoạn xây dựng

1.1. Chi phí triển khai thực hiện dự án sau khi ký kết hợp đồng trong giai đoạn xây dựng xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (ban hành tại mục 2 dưới đây) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng). Chi phí triển khai thực hiện dự án sau khi ký kết hợp đồng trong giai đoạn xây dựng là toàn bộ chi phí cần thiết để cơ quan ký kết hợp đồng tổ chức thực hiện các công việc từ thời điểm ký kết hợp đồng cho đến thời điểm công trình dự án được cấp có thẩm quyền xác nhận hoàn thành và quyết toán vốn đầu tư. Căn cứ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, đầu tư theo phương thức PPP, cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng lập dự toán theo từng nội dung chi phí triển khai thực hiện dự án của năm kế hoạch, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

#### 1.2. Hệ số áp dụng

Định mức chi phí tại Bảng 2 được áp dụng điều chỉnh trong một số trường hợp như sau:

##### 1.2.1. Dự án thực hiện trên địa bàn đặc thù

a) Dự án đầu tư xây dựng trên biển; trên đảo; dự án trải dài dọc theo tuyến biên giới trên đất liền, dự án tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn bản đặc biệt khó khăn) theo quy định của Chính phủ:  $k = 1,35$ ;

b) Dự án trải dài theo tuyến trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên:  $k = 1,10$ .

##### 1.2.2. Dự án thuộc cấp Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư: $k = 1,10$ .

1.2.3. Chi phí thiết bị chiếm tỷ trọng  $\geq 50\%$  tổng chi phí xây dựng và thiết bị:  $k = 0,80$ .

#### 1.3. Chi phí quản lý thực hiện hợp đồng trong giai đoạn xây dựng

Chi phí quản lý thực hiện hợp đồng trong giai đoạn xây dựng xác định theo công thức sau:

$$C_{qlh\dot{x}d} = C_{(xd+tb)} \times N_t \times \prod_{i=1}^n k_i$$

*Trong đó:*

- $C_{qlhdx}$ : Chi phí quản lý thực hiện hợp đồng trong giai đoạn xây dựng; đơn vị tính: giá trị;
- $C_{xd+tb}$ : Chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư của dự án; đơn vị tính: giá trị;
- $N_t$ : Định mức chi phí quản lý thực hiện hợp đồng trong giai đoạn xây dựng ban hành tại Thông tư này; đơn vị tính: tỷ lệ %;
- $k_i$ : Hệ số áp dụng hoặc điều chỉnh định mức tại mục 1.2 Chương này;
- $n$ : Các hệ số điều chỉnh.

1.4. Trường hợp dự án, công trình có quy mô nằm trong khoảng quy mô chi phí được quy định tại các bảng định mức ban hành kèm theo Thông tư này thì định mức chi phí xác định tương tự quy định tại mục 1.4 Phần I Thông tư này.

1.5. Trường hợp dự án được tách thành các dự án thành phần thì chi phí quản lý thực hiện hợp đồng trong giai đoạn xây dựng xác định riêng theo quy mô của từng dự án thành phần.

1.6. Định mức chi phí quản lý thực hiện hợp đồng trong giai đoạn xây dựng quy định tại Thông tư này làm cơ sở để xác định chi phí quản lý thực hiện hợp đồng của cơ quan ký kết hợp đồng trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành, kinh doanh của năm kế hoạch, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Việc quản lý, sử dụng chi phí quản lý thực hiện hợp đồng trong giai đoạn xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả.

## 2. Định mức chi phí

**Bảng 2. Định mức chi phí quản lý thực hiện hợp đồng trong giai đoạn xây dựng ( $N_t$ )**

Đơn vị tính: tỷ lệ %

| Chi phí xây dựng và thiết bị (chưa có thuế GTGT) (tỷ đồng) | ≤ 50  | 100   | 200   | 500   | 1.000 | 2.000 | 5.000 | 10.000 | 20.000 | ≥ 30.000 |
|------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|--------|--------|----------|
| <b>Định mức</b>                                            | 0,801 | 0,550 | 0,514 | 0,413 | 0,356 | 0,308 | 0,142 | 0,105  | 0,078  | 0,062    |

**Nội dung công việc:** Chi phí quản lý thực hiện hợp đồng trong giai đoạn xây dựng xác định theo định mức quy định tại Thông tư này là toàn bộ chi phí cần thiết để cơ quan ký kết hợp đồng tổ chức thực hiện các công việc từ thời điểm ký kết hợp đồng cho đến thời điểm công trình dự án được cấp có thẩm quyền xác nhận hoàn thành và quyết toán vốn đầu tư. Các công việc chủ yếu bao gồm: Tổ chức đăng tải, công khai thông tin hợp đồng; phối hợp với địa phương thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất và bàn giao cho doanh nghiệp dự án; thực hiện nhiệm vụ của cơ quan ký kết hợp đồng trong công tác lựa chọn nhà thầu của chủ đầu tư;

quản lý, giải ngân vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án theo quy định hợp đồng; tổ chức đàm phán, điều chỉnh hợp đồng (nếu có); tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng; quyết toán phần vốn nhà nước trong dự án; xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong giai đoạn xây dựng theo thẩm quyền quy định pháp luật và quy định tại hợp đồng dự án; phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự; cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ thanh tra, kiểm toán, kiểm tra của các cơ quan chức năng; kiểm tra, giám sát, quản lý việc thực hiện hợp đồng của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án bao gồm: thực hiện nghĩa vụ bảo đảm thực hiện hợp đồng, thực hiện các thủ tục khởi công công trình dự án, tiến độ huy động, giải ngân vốn chủ sở hữu, vốn do nhà đầu tư huy động (vốn vay); kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn, công tác bảo đảm vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, việc bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình dự án theo quy định tại hợp đồng; tổ chức kiểm định chất lượng (trong trường hợp cần thiết); phối hợp cấp có thẩm quyền tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu công trình dự án, hạng mục công trình dự án; kiểm tra, cấp xác nhận hoàn thành công trình; công tác quyết toán vốn đầu tư công trình dự án; kiểm tra một số công tác khác do nhà đầu tư/doanh nghiệp dự án thực hiện theo quy định của hợp đồng trong giai đoạn xây dựng; các nội dung khác theo quy định pháp luật có liên quan.

## **Chương II.**

### **ĐỊNH MỨC CHI PHÍ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN SAU KHI KÝ KẾT HỢP ĐỒNG TRONG GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH, KINH DOANH**

#### **1. Hướng dẫn áp dụng định mức chi phí triển khai thực hiện dự án sau khi ký kết hợp đồng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh**

1.1. Chi phí triển khai thực hiện dự án sau khi ký kết hợp đồng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh xác định theo định mức giá trị (triệu đồng) (ban hành tại mục 2 phần này). Căn cứ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, đầu tư theo phương thức PPP, cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng lập dự toán theo từng nội dung chi phí triển khai thực hiện dự án của năm kế hoạch, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

#### **1.2. Hệ số áp dụng**

1.2.1. Hệ số khoảng cách xác định theo khoảng cách từ trụ sở cơ quan ký kết hợp đồng (hoặc đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ của cơ quan ký kết hợp đồng) đến địa điểm thực hiện dự án, cụ thể theo bảng dưới đây:

| <b>Đặc điểm cự ly</b>                                | <b>Hệ số</b> |
|------------------------------------------------------|--------------|
| Dưới 200 km; đoàn đi và về trong ngày, không lưu trú | 0,6          |
| Dưới 200 km; có lưu trú                              | 0,8          |
| Từ 200 km đến 700 km                                 | 1,0          |



| Đặc điểm cụ ly | Hệ số |
|----------------|-------|
| Trên 700 km    | 1,5   |

1.2.2. Hệ số kỳ hạn hợp đồng, xác định thời hạn hợp đồng còn lại (thời hạn hợp đồng còn lại được xác định trên cơ sở hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản xác định gần nhất của cơ quan ký kết hợp đồng).

a) Trường hợp thời hạn hợp đồng còn từ 2 năm trở lên thì  $k = 1,0$ ;

b) Trường hợp thời hạn hợp đồng còn dưới 2 năm thì  $k = 1,4$ .

1.2.3. Hệ số quy mô dự án, xác định số trạm thu phí thuộc dự án. Cụ thể:

a) Đối với quốc lộ (hình thức thu phí theo lượt):

- Dự án có 01 trạm thu phí:  $k = 0,5$ ;

- Dự án có từ 02 trạm thu phí trở lên:  $k = 0,75$ .

b) Đối với đường bộ cao tốc (thu phí kín theo chiều dài sử dụng, trạm thu phí bố trí tại các nhánh ra vào thuộc nút giao liên thông):

- Dự án có dưới 02 nút giao liên thông:  $k = 1,0$ ;

- Dự án có từ 03 nút giao liên thông trở lên:  $k = 1,5$ .

1.3. Chi phí quản lý thực hiện hợp đồng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh tính cho một dự án PPP trong một năm được xác định theo công thức:

$$C_{qlhđvh} = N_t \times \prod_{i=1}^n k_i$$

Trong đó:

-  $C_{qlhđvh}$ : Chi phí quản lý thực hiện hợp đồng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh; đơn vị tính: giá trị;

-  $N_t$ : Định mức chi phí quản lý thực hiện hợp đồng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh ban hành tại mục 2 Chương này; đơn vị tính: giá trị;

-  $k_i$ : Hệ số áp dụng hoặc điều chỉnh định mức tại mục 1.2 Chương này. Trường hợp dự án PPP hiện hữu đang trong giai đoạn vận hành, kinh doanh được nâng cấp, mở rộng thì ngoài các hệ số quy định tại mục 1.2 Chương này, chi phí quản lý thực hiện hợp đồng được nhân với hệ số 1,3, thời gian áp dụng phù hợp với thời gian triển khai quản lý hợp đồng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh của dự án hiện hữu và thời gian thi công xây dựng nâng cấp, mở rộng;

-  $n$ : Các hệ số điều chỉnh.

1.4. Định mức chi phí quản lý thực hiện hợp đồng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh quy định tại Thông tư này làm cơ sở để xác định chi phí quản lý thực hiện hợp đồng của cơ quan ký kết hợp đồng trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành, kinh doanh của năm kế hoạch, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có

thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Việc quản lý, sử dụng chi phí quản lý thực hiện hợp đồng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh thực hiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả.

## **2. Định mức chi phí**

Định mức chi phí quản lý thực hiện hợp đồng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh tính cho một dự án PPP trong một năm ( $N_t$ ) là:

$$N_t = 109 \text{ triệu đồng.}$$

**Nội dung công việc:** Chi phí quản lý thực hiện hợp đồng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh xác định theo định mức quy định tại Thông tư này là toàn bộ chi phí cần thiết để cơ quan ký kết hợp đồng tổ chức thực hiện các công việc từ thời điểm công trình dự án được cấp có thẩm quyền xác nhận hoàn thành đến thời điểm chấm dứt hợp đồng, chuyển giao công trình cho Nhà nước quản lý. Các công việc chủ yếu bao gồm: xác nhận thông số tài chính và chi phí vận hành của dự án; cập nhật thông tin hợp đồng; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ, hậu kiểm, đối soát dữ liệu thu phí điện tử không dừng (ETC), doanh thu, lưu lượng xe, dữ liệu sao lưu và nhật ký hệ thống; kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ bảo trì của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án; giám sát chất lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; quản lý trạm dừng nghỉ; tổ chức chuyển giao tài sản khi kết thúc hợp đồng; các nội dung khác theo quy định pháp luật có liên quan.